

Số: 34 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO

Giám sát và đánh giá tổng thể đầu tư năm 2018

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư và Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2018 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN

1. Các văn bản đã ban hành trong năm 2018

- Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh Bổ sung, điều chỉnh Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

- Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 19/03/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 về việc công bố định mức dự toán, đơn giá xây dựng công tác vận chuyển các loại vật liệu và cấu kiện xây dựng bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

- Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 13/08/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh Quảng Ngãi để Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đầu tư trực tiếp, góp vốn đầu tư và cho vay giai đoạn 2018 - 2021

2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả và tác động của các văn bản hướng dẫn được ban hành đối với việc quản lý đầu tư

- Đối với Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 23/01/2018: Bổ sung, điều chỉnh Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015 - 2019) để làm cơ sở tính giá đất đền bù, giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình.

- Đối với Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 19/03/2018: Điều chỉnh định mức dự toán, đơn giá xây dựng công tác vận chuyển các loại vật liệu và cấu kiện xây dựng bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong đầu tư xây dựng công trình cho phù hợp với thực tiễn.

- Đối với Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 13/08/2018: Quyết định này quy định danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu

tiên phát triển của tỉnh Quảng Ngãi để Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đầu tư trực tiếp, góp vốn đầu tư và cho vay giai đoạn 2018 – 2021 đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý

Năm 2018, tỉnh phân bổ khoảng kinh phí là 30 tỷ đồng để thực hiện 53 đồ án quy hoạch; trong đó, phân bổ 24,005 tỷ đồng cho 36 đồ án quy hoạch chuyên tiếp, 5,995 tỷ đồng cho 16 đồ án quy hoạch mới.

- Về Quy hoạch phát triển KT-XH: Đã hoàn chỉnh Quy hoạch Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các huyện, thành phố trong năm 2012. Hiện nay, tỉnh đang rà soát điều chỉnh một số quy hoạch Phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thành phố cho phù hợp với tình hình mới. Trong kỳ, đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi,

- Về Quy hoạch xây dựng: Một số quy hoạch xây dựng được triển khai mới trong năm 2018 như: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hai bên bờ sông Trà Khúc, Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hai bên bờ sông Trà Bồng, Quy hoạch cốt nền và thoát nước mưa cho các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 huyện Lý Sơn... Trong năm 2018, tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết Công viên trung tâm thành phố Quảng Ngãi; Quy hoạch bãi thải trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất; Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi; Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực Tịnh Kỳ và Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi; điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phổ Phong, huyện Đức Phổ và một số quy hoạch chi tiết khác.

- Về Quy hoạch sử dụng đất, phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu: Tỉnh tập trung chỉ đạo phê duyệt các quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, quy hoạch ngành, sản phẩm chủ yếu để có cơ sở triển khai thực hiện theo quy hoạch đã duyệt. Trong năm 2018, tỉnh đã phê duyệt một số quy hoạch như: Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2020; Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng huyện Bình Sơn đến năm 2020; Quy hoạch bổ sung bến, bãi, trụ lấy nước chữa cháy tại các khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viettel Quảng Ngãi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020....

2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định

Công tác thiết kế đô thị và quản lý kiến trúc đô thị từng bước được chú trọng như cấp chứng chỉ quy hoạch, tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc, thiết kế đô thị... Hiện nay, thành phố Quảng Ngãi đã triển khai lập thiết kế đô thị và quản lý kiến trúc cho 4 trục đường trong đô thị, gồm các tuyến đường Chu

Văn An, Nguyễn Tự Tân, Tô Hiến Thành, Phan Bội Châu. Có 5 địa phương (thành phố Quảng Ngãi và các huyện Bình Sơn, Sơn Hà, Đức Phổ, Ba Tơ) đã thành lập Đội quản lý trật tự đô thị, góp phần vào việc kiểm tra, chấn chỉnh các sai phạm trong hoạt động xây dựng tại các đô thị.

Về xây dựng và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị: Đây là cơ sở pháp lý, công cụ để các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức công dân thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch nhất là các khu đô thị chưa có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quy định hiện hành). Đến nay đã có 11 đô thị (Lý Sơn, Vạn Tường, Đức Phổ, Châu Ổ, Di Lăng, Thạch Trụ, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Chợ Chùa, Minh Long và thành phố Quảng Ngãi) đã lập, phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch cho đô thị. Các đô thị còn lại, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các địa phương khẩn trương thực hiện, sớm hoàn thành vào thời gian đến.

Nhìn chung, về công tác quản lý quy hoạch được nâng cao từ các văn bản pháp lý đến chất lượng đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ liên quan đến vấn đề quản lý quy hoạch, quản lý hoạt động xây dựng, thủ tục cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng tại các đô thị.

3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết

a) Các vướng mắc chính:

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và nâng cao tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết tại một số đô thị triển khai thực hiện còn chậm. Bên cạnh đó, việc tổ chức lập và khớp nối quy hoạch chi tiết trung tâm các đô thị đến tỷ lệ 1/500 trong thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức. Việc lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chủ yếu thực hiện tương đối tốt ở các đô thị lớn (thành phố Quảng Ngãi, Dung Quất, thị trấn Đức Phổ, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn); tại các đô thị khác, công tác này chủ yếu chỉ thực hiện theo những dự án đơn lẻ, quy mô nhỏ.

- Một số đồ án quy hoạch được lập, phê duyệt chưa gắn liền với nguồn lực thực hiện; không xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo quy hoạch hợp lý; thiếu biện pháp chế tài hoặc xử lý cương quyết đối với các chủ đầu tư yếu kém năng lực, chậm trễ trong việc thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch.

b) Kiến nghị các biện pháp giải quyết:

- Tổ chức lập và khớp nối quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, tăng tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết trung tâm các đô thị, đặc biệt là các khu chức năng quan trọng của đô thị.

- Đẩy mạnh công tác thiết kế đô thị; tổ chức lập, phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc cho tất cả các đô thị nhằm phục vụ công tác quản lý có hiệu quả hơn.

- Các đồ án quy hoạch đã phê duyệt phải được rà soát định kỳ, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo quy hoạch hợp lý; kịp thời phát hiện các vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai để có giải pháp điều chỉnh mang

tính chất bao quát, dài hạn nhằm giải quyết triệt để những tồn tại.

- Tăng cường công tác tham vấn cộng đồng để cộng đồng dân cư tham gia trong quá trình lập quy hoạch, nhất là các đồ án quy hoạch chi tiết cải tạo chính trang đô thị, công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo việc triển khai thực hiện công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

1. Về kế hoạch vốn được giao

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 do tỉnh quản lý là 4.259,585 tỷ đồng; gồm ngân sách địa phương là 2.705,450 tỷ đồng (trong đó: vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức là 2.035,450 tỷ đồng; vốn xổ số kiến thiết là 70 tỷ đồng; vốn quỹ đất là 600 tỷ đồng); vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương là 1.554,135 tỷ đồng (trong đó, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 327,611 tỷ đồng, vốn Chương trình mục tiêu là 318 tỷ đồng, vốn Chương trình hỗ trợ cho người có công là 128,224 tỷ đồng, vốn TPCP là 550 tỷ đồng và vốn ODA là 230,3 tỷ đồng).

2. Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ

Tổng giá trị khối lượng thực hiện năm 2018 là 3.8857,054 tỷ đồng (đạt 91% kế hoạch năm); trong đó,

- Vốn cân đối ngân sách địa phương có khối lượng thực hiện là 2.419,078 tỷ đồng, bằng 89% kế hoạch, trong đó: Vốn quỹ đất 453,548 tỷ đồng, bằng 76% kế hoạch, vốn xổ số kiến thiết là 59,979 tỷ đồng, bằng 86% kế hoạch;

- Vốn ngân sách Trung ương có khối lượng thực hiện là 742,139 tỷ đồng, bằng 96% kế hoạch; trong đó: Vốn hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 122,404 tỷ đồng, bằng 95% kế hoạch; vốn Chương trình MTQG là 311,117 tỷ đồng, bằng 95% kế hoạch; vốn Chương trình mục tiêu là 308,618 tỷ đồng, bằng 97% kế hoạch; vốn ODA là 145,837 tỷ đồng, bằng 63% và vốn TPCP là 550 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch.

3. Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ

Tổng số vốn đã giải ngân trong năm 2018 theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh tính đến ngày 31/01/2019 là 3.8857,054 tỷ đồng (đạt 91% kế hoạch năm); trong đó,

- Vốn cân đối ngân sách địa phương đã giải ngân là 2.419,078 tỷ đồng, bằng 89% kế hoạch, trong đó: Vốn quỹ đất 453,548 tỷ đồng, bằng 76% kế hoạch, vốn xổ số kiến thiết là 59,979 tỷ đồng, bằng 86% kế hoạch;

- Vốn ngân sách Trung ương đã giải ngân là 742,139 tỷ đồng, bằng 96% kế hoạch; trong đó: Vốn hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 122,404 tỷ đồng, bằng 95% kế hoạch; vốn Chương trình MTQG là 311,117 tỷ đồng, bằng 95% kế hoạch; vốn Chương trình mục tiêu là 308,618 tỷ đồng, bằng 97% kế hoạch; vốn ODA là 145,837 tỷ đồng, bằng 63% và vốn TPCP là 550 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch.

4. Tình hình nợ đọng vốn đầu tư

Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (*Luật Đầu tư công có hiệu lực từ ngày 01/01/2015: Không cho phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản*):

Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp khắc phục nợ đọng xây dựng cơ bản, trong 2 năm 2015-2016, tỉnh Quảng Ngãi đã ưu tiên bố trí vốn để xử lý các khoản nợ đọng trong xây dựng cơ bản từ năm 2014 về trước. Đồng thời, chỉ đạo các ngành, cách địa phương quán triệt chủ trương không để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh thời điểm 31/12/2014 là 808,7 tỷ đồng; trong đó, vốn NSTW là 124,5 tỷ đồng, vốn NS tỉnh là 71,5 tỷ đồng, vốn ngân sách huyện, xã là 584,2 tỷ đồng và các nguồn vốn khác là 28,5 tỷ đồng.

Đến nay, số nợ đọng XDCB của tỉnh và trung ương tính đến 31/12/2014 đã được xử lý xong; còn lại chủ yếu là số nợ đọng XDCB của cấp huyện, xã.

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG

1. Chương trình mục tiêu

a) Đối với vốn hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ:

Kế hoạch vốn hỗ trợ nhà ở cho người có công năm 2018 là 318 tỷ đồng. Hiện nay các huyện, thành phố đã rút tiền và chuyển cho các xã để hỗ trợ cho các hộ gia đình, đồng thời UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện. Đến nay, cơ bản đã hoàn thành việc việc hỗ trợ cho các hộ gia đình nên giá trị giải ngân đảm bảo theo yêu cầu.

b) Các dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu

Kế hoạch năm 2018 là 318 tỷ đồng, bố trí hoàn ứng 63,3 tỷ đồng, còn lại 254,7 tỷ đồng bố trí vốn cho 18 dự án chuyển tiếp, trong đó có 05 dự án hoàn thành năm 2017, 13 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2018 và sau năm 2018.

Hiện nay, các dự án chuyển tiếp đang được chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, dự kiến đến cuối năm 2018 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng 04 dự án là: (1) Đường Ba Bích – Ba Nam; (2) Cảng Bến Đình; (3) Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn giai đoạn 2; (4) Xây dựng đường giao thông trục chính nối trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường. Đến 31/01/2019 giải ngân 308,618 tỷ đồng bằng 97% kế hoạch. Nhìn chung đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu triển khai đảm bảo tiến độ và có giá trị giải ngân cao, cụ thể như: (1) Cảng Bến Đình (100% KH), (2) Đường Ba Tư - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm) (100% KH); (3) Đường Ba Bích - Ba Nam (94% KH); (4) Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương (80%)...

3. Chương trình mục tiêu quốc gia

Kế hoạch vốn được giao trong năm 2018 của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia là 592,611 tỷ đồng; trong đó, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới là 409,200 tỷ đồng và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững là 183,411 tỷ đồng.

Trong kỳ khối lượng thực hiện và giải ngân vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 533,821 tỷ đồng, bằng 90% kế hoạch giao.

4. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết

Nguồn lực của nhà nước đầu tư trực tiếp cho chương trình mục tiêu quốc gia chưa đáp ứng nhu cầu các địa phương. Việc huy động vốn trong dân, trong cộng đồng dân cư và của doanh nghiệp cho xây dựng nông thôn mới còn nhiều khó khăn. Việc hoàn thành các thủ tục đầu tư chậm, các địa phương lúng túng trong việc áp dụng hay không áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh hoàn thành các nhiệm vụ, tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, kiến nghị:

- Chính phủ sớm ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định số 161/2016/NĐ-CP theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 để các địa phương thuận lợi trong vận dụng và triển khai các nhiệm vụ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Các Bộ ngành Trung ương xem xét bổ sung vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018, tạo điều kiện cho tỉnh kịp thời cân đối vốn để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, đảm bảo hoàn thành các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch đã đề ra. Theo đó, nhu cầu bổ sung vốn tối thiểu khoảng 60 tỷ đồng (tương đương 10% mức vốn còn lại trong kế hoạch vốn trung hạn của tỉnh) để phân bổ cho 2 xã đã có kế hoạch về đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 nhưng chưa có vốn để bố trí (xã Phổ Thạnh và xã Bình Phước) và bổ sung cho danh mục dự án đã phân bổ nhưng được bố trí vốn ít trong năm 2018.

V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư

Công tác lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, các luật khác liên quan và các văn bản hướng dẫn dưới luật. Trong năm 2018, toàn tỉnh đã thẩm định 640 chủ trương đầu tư và phê duyệt 647 chủ trương đầu tư.

2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư

Công tác lập, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư tuân thủ theo quy định của Luật Xây dựng, các luật khác liên quan và các văn bản hướng dẫn dưới luật. Trong năm 2018, tỉnh Quảng Ngãi đã thẩm định và phê duyệt 910 dự án.

3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán

Công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán cơ bản tuân thủ đúng quy định của Luật Xây dựng, các luật khác liên quan và các văn bản hướng dẫn dưới luật.

4. Tình hình thực hiện các dự án

a) Việc quản lý thực hiện dự án: Trong quá trình thực hiện dự án, hầu hết các dự án đều được các chủ đầu tư lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết tiến độ thực hiện. Quá trình thực hiện dự án, chủ đầu tư đều tuân thủ theo kế hoạch tiến độ được duyệt, trừ một số trường hợp đặc biệt như thay đổi thiết kế, chậm đền bù GPMB ... làm chậm tiến độ thực hiện dự án, được chủ đầu tư điều chỉnh lại kế hoạch thực hiện cho phù hợp.

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cơ bản đảm bảo theo tiến độ được ký kết giữa chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn, thi công xây dựng công trình.

- Khối lượng giá trị thực hiện và giải ngân của các dự án sử dụng vốn nhà nước trong năm 2018 tính đến ngày 31/01/2019 là 3.857,054 tỷ đồng (đạt 91 % kế hoạch năm).

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư:

- Trong năm 2018, việc giải ngân tạm ứng, thu hồi tạm ứng được thực hiện theo đúng quy định.

- Quyết toán vốn dự án hoàn thành: Công tác quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2018 được tiếp tục đẩy mạnh, hầu hết các dự án đều được tổ chức quyết toán đúng thời gian quy định. Trong kỳ, tỉnh đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán 1.220 dự án; trong đó, tỉnh phê duyệt 100 dự án, các huyện, thành phố phê duyệt 1.120 dự án.

- Nợ đọng xây dựng cơ bản và việc xử lý: Hiện nay, khối lượng nợ đọng XD/CB phần vốn ngân sách tỉnh đã được xử lý dứt điểm. Đối với số nợ của các huyện, thành phố, UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thành phố xây dựng lộ trình trả nợ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của cấp huyện, thành phố.

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu:

Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của Ban quản lý dự án và các nhà thầu cơ bản đảm bảo quy định. Trong năm 2016 tỉnh đã sắp xếp, thành lập mới các Ban Quản lý dự án xây dựng chuyên ngành theo quy định của Luật Xây dựng và hoàn thành vào cuối năm 2016, đến nay các Ban Quản lý dự án xây dựng chuyên ngành đã đi vào hoạt động.

đ) Khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền:

Các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án chủ yếu là do công tác bồi thường giải phóng mặt bằng chậm; trách nhiệm một số

chủ đầu tư chưa cao,...Để khắc phục tình trạng trên, tỉnh đã chỉ đạo tăng cường một số quy định như trước khi triển khai thực hiện phải cơ bản hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; lựa chọn tổ chức tư vấn, nhà thầu thi công đủ năng lực;...

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành

Các dự án hoàn thành đưa vào khai thác, vận hành đều đáp ứng mục tiêu đầu tư của dự án; trong kỳ báo cáo chưa phát hiện dự án nào đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật hoặc không có hiệu quả.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng hiện nay chậm, vì phải phê duyệt theo giá thực tế. Mặc dù tỉnh đã ban hành quy định về vấn đề này nhưng việc bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn còn nhiều vướng mắc, kéo dài.

VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 về trình tự thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh để hướng dẫn các nhà đầu tư hiểu rõ và thực hiện đúng trình tự đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đồng thời, tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 hướng dẫn thanh toán bằng quỹ đất đối với dự án BT.

Trong năm 2018, tỉnh Quảng Ngãi chưa có dự án được triển khai thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Tính đến cuối năm 2018, tỉnh đã phê duyệt 3 đề xuất dự án đầu tư theo hình thức BT, trong đó có 2 dự án đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư nhưng chưa ký hợp đồng do đang chờ Trung ương sửa đổi các quy định pháp luật về PPP.

VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC

1. Đăng ký, thẩm tra, cấp và điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư

- Công tác thẩm định trình cấp Quyết định chủ trương đầu tư; kiểm tra cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cơ bản tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư năm 2014 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Trong năm 2018, các chỉ tiêu về cấp mới, điều chỉnh, thu hồi như sau:

+ Cấp mới: Toàn tỉnh đã cấp mới tổng cộng 134 dự án, tổng vốn đầu tư 29.846 tỷ đồng, trong đó: 118 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 22.693 tỷ đồng; 16 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 7.153 tỷ đồng (tương đương 367,63 triệu USD).

+ Về điều chỉnh: Đã điều chỉnh 71 dự án (gồm 08 dự án FDI). Trong đó, 20 dự án điều chỉnh tăng 730,72 tỷ đồng; 06 dự án điều chỉnh giảm 1.131 tỷ

đồng. Cụ thể như sau:

Dự án trong Khu kinh tế Dung Quất: Điều chỉnh tăng 99,53 tỷ đồng, điều chỉnh giảm 814,5 tỷ đồng.

Dự án trong các Khu công nghiệp: Điều chỉnh tăng 15,4 tỷ đồng, điều chỉnh giảm 146 tỷ đồng.

Dự án ngoài Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh: Điều chỉnh tăng 277,86 tỷ đồng, điều chỉnh giảm 9 tỷ đồng.

Dự án FDI: Điều chỉnh tăng 10 triệu USD, tương đương 223 tỷ đồng.

+ Về thu hồi: Đã thu hồi 18 dự án với tổng vốn đầu tư 7.481 tỷ đồng; trong đó, thu hồi 16 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 5.794 tỷ đồng, 02 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 75 triệu USD (tương đương 1.687 tỷ đồng).

- Về công tác giải ngân: Năm 2018, các dự án đầu tư toàn tỉnh đã giải ngân khoảng 27.477 tỷ đồng; trong đó, các dự án đầu tư trong nước giải ngân khoảng 24.857 tỷ đồng, các dự án FDI giải ngân khoảng 2.620 tỷ đồng.

* *Đánh giá chung:* Số dự án thu hút trong năm 2018 (134 dự án với tổng vốn đầu tư 29.846 tỷ đồng), giảm 03 dự án so với cùng kỳ năm 2017 (137 dự án), tổng vốn đăng ký đầu tư chỉ bằng 34,58% so với cùng kỳ năm 2017, do trong năm 2017 có dự án của Tập đoàn Hòa Phát (60.000 tỷ đồng).

* *Lũy kế đến 31/12/2018:*

- Số dự án còn hiệu lực: 598 dự án, tổng vốn đăng ký 279.620 tỷ đồng; trong đó: có 536 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 242.283 tỷ đồng, 62 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 37.337 tỷ đồng (tương đương 1.758 triệu USD). Chia ra:

+ Khu Kinh tế Dung Quất: 202 dự án, tổng vốn đầu tư 231.491 tỷ đồng (trong đó FDI 48 dự án với tổng vốn đầu tư 33.770 tỷ đồng; đầu tư trong nước 154 dự án với tổng vốn đầu tư 197.720 tỷ đồng);

+ Các KCN tỉnh: 101 dự án, tổng vốn đầu tư 7.097 tỷ đồng (trong đó FDI 8 dự án với tổng vốn đầu tư 1.663 tỷ đồng, đầu tư trong nước 93 dự án với tổng vốn đầu tư 5.434 tỷ đồng);

+ Ngoài Khu KKT Dung Quất và các KCN tỉnh: 295 dự án, tổng vốn đầu tư 41.031 tỷ đồng (trong đó FDI 06 dự án với tổng vốn đầu tư 1.903 tỷ đồng; đầu tư trong nước 289 dự án với tổng vốn đầu tư 39.128 tỷ đồng).

- Vốn thực hiện lũy kế đến 31/12/2018: 135.096 tỷ đồng (trong đó FDI 17.243 tỷ đồng, đầu tư trong nước 117.853 tỷ đồng), đạt tỷ lệ 48,3% so với tổng vốn đầu tư (279.620 tỷ đồng).

- Lũy kế số dự án đi vào hoạt động: 301 dự án; trong đó: KKT 95 dự án (FDI 20 DA), KCN 82 dự án (FDI 06 DA), ngoài KKT và KCN: 124 dự án (FDI 03 DA).

- Số dự án đang triển khai: 283 dự án; trong đó KKT 101 dự án (FDI 24 DA), KCN 15 dự án (FDI 02 DA), ngoài KKT và KCN: 167 dự án (FDI 03

DA).

- Số dự án đang dừng triển khai/dừng hoạt động: 19 dự án; trong đó KKT 04 dự án (FDI 02 DA), KCN 04 dự án, ngoài KKT và KCN 11 dự án.

2. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án

Trong số các dự án được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, có một số dự án đã triển khai xây dựng và đi vào hoạt động đảm bảo tiến độ và mục tiêu dự án đã đăng ký. Tuy nhiên, có một số dự án do mất thời gian để hoàn chỉnh các thủ tục về đất đai và môi trường theo quy định, đặc biệt là nhiều dự án bị vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để dự án được tiếp tục triển khai xây dựng.

3. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, góp vốn pháp định

Đa số tiến độ góp vốn đầu tư của các dự án thực hiện đảm bảo tiến độ.

4. Tình hình khai thác, vận hành dự án

Trong năm 2018, có khoảng 25 dự án đầu tư trong nước đi vào hoạt động. Về nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, hiện các doanh nghiệp đang trong giai đoạn hưởng ưu đãi nên đóng góp vào ngân sách chưa cao.

5. Việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định

Các doanh nghiệp trước khi đi vào hoạt động chính thức đều hoàn thành các thủ tục về môi trường theo quy định của nhà nước; sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản đảm bảo theo quy định.

6. Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Các doanh nghiệp thực hiện đảm bảo các nội dung quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp.

7. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

Các dự án có ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đều thực hiện đảm bảo yêu cầu điều kiện về ngành, nghề kinh doanh.

8. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư năm 2018

a) Về ban hành cơ chế chính sách:

Trong năm 2018, UBND tỉnh chưa ban hành chính sách về ưu đãi đầu tư mới.

b) Tình hình thực hiện:

- Việc thực hiện các ưu đãi theo quy định của Chính phủ, cơ quan Thuế là đơn vị trực tiếp xem xét, quyết định.

- Về hỗ trợ: Trong kỳ, chưa thực hiện ưu đãi cho dự án đầu tư nào, một số dự án đang làm thủ tục và sẽ được hưởng ưu đãi trong thời gian đến.

9. Các vướng mắc chính và kiến nghị biện pháp giải quyết

a) Các vướng mắc chính:

- Công tác đền bù, GPMB và tái định cư (đối với các dự án có tái định cư) quá khó khăn, phức tạp; thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp quyền sử dụng đất được thực hiện qua nhiều công đoạn, liên quan đến nhiều cấp, ngành, nhà đầu tư mất nhiều thời gian cho để hoàn thành thủ tục này. Nguyên nhân này tập trung chủ yếu vào các dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Cụm công nghiệp.

- Công tác cải cách hành chính đã có nhiều cải thiện nhưng nhà đầu tư vẫn chưa thực sự hài lòng; sự phối hợp giữa các sở, ban ngành để hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục theo quy định chưa hiệu quả, cần tiếp tục cải thiện.

- Công tác định hướng trong đầu tư chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến có những lĩnh vực đầu tư có quá nhiều nhà đầu tư, tạo ra cạnh tranh và khó khăn trong hoạt động.

b) Kiến nghị biện pháp giải quyết:

- Đề đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện vấn đề và có giải pháp tháo gỡ vướng mắc kịp thời. Trước tiên, tập trung giải quyết các vướng mắc về bồi thường, GPMB, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, xây dựng quy trình thủ tục đầu tư công khai, minh bạch.

- Tiếp tục cải cách hành chính, tăng cường sự phối kết hợp giữa các Sở, ban ngành để hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục theo quy định cũng như phối hợp trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tăng cường giám sát việc thực thi nhiệm vụ trong các cơ quan Nhà nước; kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, không có khả năng đầu tư để lành mạnh hóa môi trường đầu tư.

- Cần nghiên cứu, hoàn chỉnh các quy hoạch và định hướng trong hoạt động đầu tư, cung cấp thông tin cần thiết, hữu ích cho nhà đầu tư khi khảo sát, tìm hiểu cơ hội đầu tư vào tỉnh.

VIII. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo

Số dự án các chủ đầu tư báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ là 1.657 dự án trên tổng số 2.081 dự án (bằng 80%). Đối với báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong năm 2018 các đơn vị đã khắc phục được một số tồn tại so với trước, tuy vẫn còn chậm, số liệu còn sai sót, chưa đầy đủ....

2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo

Trong kỳ, công tác báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư có tiến bộ so với trước. Tuy nhiên, do các địa phương, đơn vị bố trí nhân sự cho công tác

giám sát, đánh giá đầu tư còn có tính chất kiêm nhiệm, biến động do luân chuyển, thay đổi nên tính chuyên nghiệp chưa cao.

3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ

Trong năm 2018, tỉnh đã tổ chức kiểm tra một số dự án do tỉnh quyết định đầu tư; HĐND tỉnh cũng đã tổ chức giám sát tình hình đầu tư của một số dự án. Qua kiểm tra, đánh giá đã kịp thời chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và nâng cao chất lượng công trình cũng như chấn chỉnh thiếu sót trong thủ tục đầu tư xây dựng.

Năm 2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh đã tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư trực tiếp 10 dự án thuộc 5 đơn vị, gồm: Đập ngăn mặn Trà Bồng và Tiêu úng thoát lũ KCN VSIP Quảng Ngãi, giai đoạn 1 do Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi làm chủ đầu tư; Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi – Chợ Chùa và Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (Km0-Km22+336) do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi làm chủ đầu tư; Trường THPT số 2 Mộ Đức - Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng và Trường THPT số 1 Tư Nghĩa – Cải tạo, mở rộng khu Hiệu bộ, xây dựng tường rào, cổng ngõ phía Đông do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi làm chủ đầu tư; Đường Sơn Liên - Cầu Tà Meo, huyện Sơn Tây và Đường Sơn Tinh – Sơn Thượng, huyện Sơn Tây do UBND huyện Sơn Tây làm chủ đầu tư; Trường THCS An Hải - hạng mục: 12 phòng học và Nâng cấp tuyến đường giao thông đến các di tích, danh lam thắng cảnh huyện đảo Lý Sơn tại các do UBND huyện Lý Sơn làm chủ đầu tư.

4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án trong kỳ tiếp theo

Trong năm 2019, tỉnh sẽ tổ chức kiểm tra, đánh giá một số dự án ở địa phương trong tỉnh; HĐND tỉnh có kế hoạch kiểm tra, đánh giá. Riêng Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh đang xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư trực tiếp một số dự án thuộc các huyện còn lại chưa giám sát, đánh giá trong năm 2018.

5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ

Nhìn chung, công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ đã được các chủ đầu tư quan tâm hơn nên các dự án được giám sát, đánh giá cũng nhiều hơn so với cùng kỳ năm trước. Kết quả giám sát, đánh giá các dự án nhằm khẳng định hiệu quả đầu tư của các dự án sau đầu tư, qua đó xác định các dự án cấp bách cần đầu tư trước, phát huy tối đa hiệu quả, đồng thời chưa đầu tư các dự án mang lại hiệu quả đầu tư thấp.

Tuy nhiên, vẫn còn một ít chủ đầu tư chưa thực hiện nghiêm túc công tác này; mặt khác, việc phân công người theo dõi, phụ trách công tác giám sát đánh giá đầu tư ở các địa phương thường thay đổi nên việc báo cáo, tổng hợp số liệu chuyên nghiệp chưa cao. Trong thời gian tới, sẽ tiếp tục chỉ đạo nâng cao hơn nữa công tác này.

6. Kết quả xử lý sau giám sát, đánh giá đầu tư; các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết

Các chỉ đạo của cấp trên sau giám sát đều được các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc.

IX. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Theo quy định của Luật Đầu tư công hồ sơ chủ trương đầu tư chủ yếu là các xác định sơ bộ và thành phần hồ sơ đơn giản nên đề nghị sửa đổi nội dung thẩm định chủ trương đầu tư đơn giản hơn; ban hành mẫu thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng.

2. Trong các văn bản hướng dẫn của Trung ương hiện nay không quy định cụ thể về thời gian hoàn thành thủ tục đầu tư của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia; đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung này để công tác quản lý các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia được tốt hơn.

3. Đề nghị sớm ban hành luật về PPP và sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật hướng dẫn tập trung và cụ thể hơn; bổ sung Nghị định về quản lý chi phí đối với dự án PPP, trong đó xem xét tăng đối tượng thanh toán cho dự án BT, hướng dẫn rõ hơn thanh toán bằng quỹ đất,...; xem xét đối với chức năng thực hiện công tác thẩm định dự án PPP nên thực hiện tương tự như dự án đầu tư công; tăng hạn mức thực hiện sơ tuyến quốc tế;...

4. Bổ sung thêm khung pháp lý để nâng cao hơn hiệu quả công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Đồng thời, theo quy định hiện nay, việc đánh giá chương trình, dự án đầu tư do tư vấn thực hiện chưa có quy định cụ thể về hạn mức; đề nghị quy định và hướng dẫn rõ hơn.

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành Trung ương./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, TH (TMS25).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

Phụ lục 01

Tình hình thực hiện đầu tư trong kỳ báo cáo

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm	Trong đó bố trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					Giá trị	So với KH (%)	Giá trị	So với KH (%)	
I	Dự án sử dụng vốn nhà nước	4.259	-	-	3.857	91	3.857	91	2,473
1	Vốn đầu tư công	4.259	-	-	3.857	91	3.857	91	2,473
1.1	Vốn NSNN	3.479	-	-	3.161	91	3.161	91	2,309
a	Vốn NSTW	774	-	-	742	97	742	97	0,095
b	Vốn NSDP	2.705	-	-	2.419	89	2.419	89	2,214
1.2	Vốn ODA	230	-	-	145	63	145	63	-
1.3	Vốn TPCP	550	-	-	550	100	550	100	0,164
1.4	Vốn đầu tư công khác	0	-	-	-	-	-	-	-
2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3	Vốn khác								
3.1	Trong nước								
3.2	Nước ngoài								
II	Dự án đầu tư theo hình thức PPP								
1	Vốn đầu tư công tham gia (không tính vào tổng vốn đầu tư)								
2	Vốn chủ sở hữu								

2.1	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
2.2	Vốn khác (trong nước)								
2.3	Vốn khác (nước ngoài)								
3	Vốn vay								
3.1	Vốn đầu tư công								
3.2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3.3	Vốn trong nước								
3.4	Vốn nước ngoài								
III	Dự án sử dụng nguồn vốn khác	11.750	0	0	27.477	2,34	27.477	234	0
1	Vốn trong nước	10.000	0	0	24.857	249	24.857	249	0
2	Vốn nước ngoài	1.750	0	0	2.620	150	2.620	150	0
IV	Tổng cộng	16.009	-	-	31.334	196	31.334	196	2,473
1	Vốn đầu tư công (I.1 + II.1 + II.3.1)	4.259	-	-	3.857	91	3.857	91	2,473
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công (I.2 + II.2.1 + III.3.2)	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Vốn khác	11.750	-	-	27.477	234	27.477	234	-
	- Trong nước (I.3.1 + II.2.2 + II.3.3 + III.1)	10.000	-	-	24.857	249	24.857	249	-
	- Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)	1.750	-	-	2.620	150	2.620	150	-

Phụ lục 02

Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (do cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	CTMTQG	CTMT	CTMTĐP
I	Chủ chương trình			
1	Số lượng	1	8	
2	Tổng vốn kế hoạch	183,411	318,000	
3	Giá trị thực hiện	141,321	308,618	
4	Giá trị giải ngân	141,321	308,618	
II	Chủ dự án thành phần			
1	Số lượng	3		
2	Tổng vốn kế hoạch	183,411		
3	Giá trị thực hiện	141,321		
4	Giá trị giải ngân	141,321		
III	Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình			
1	Số lượng	654		
2	Tổng vốn kế hoạch	592,611		
3	Giá trị thực hiện	533,821		
4	Giá trị giải ngân	533,821		

Phụ biểu 03

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước				Phân theo nguồn vốn								
						Dự án đầu tư công				TPCP	ODA	NSDP	Vốn ĐTC khác	DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC
		Dự án sử dụng NSTW				Tổng số	A	B	C					
		Tổng số	A	B	C					Tổng số	A	B	C	11
I	Chuẩn bị đầu tư													
1	Chủ trương đầu tư													
a	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ	629		8	621	116		3	113	28		463	8	14
b	Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ	640		8	632	130		3	127	28		460	8	14
c	Số dự án có quyết định chủ trương trong kỳ	647		8	639	138		3	135	28		459	8	14
2	Quyết định đầu tư													
a	Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ	781		12	769	205		3	202	26	1	549		
b	Số dự án được thẩm định trong kỳ	910		11	899	273		3	270	26	1	602	8	
c	Số dự án có quyết định đầu	910		10	900	172		2	270	26	1	603	8	

	<i>tư trong kỳ</i>													
II	Thực hiện đầu tư													
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	2.081		61	2.020	651		34	617	58	10	1.329	18	15
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<i>a</i>	<i>Số dự án chuyển tiếp</i>	1.154		52	1.102	268		31	237	19	9	847	7	4
<i>b</i>	<i>Số dự án khởi công mới trong kỳ</i>	927		9	918	383		3	380	39	1	482	11	11
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	1.657	1	66	1.590	397		21	376	45	10	1.189	15	1
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (<i>do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện</i>)	17		1	16	6		1	5			11		
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ	22			22	12			12			10		
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ													
<i>a</i>	<i>Không phù hợp với quy hoạch</i>													
<i>b</i>	<i>Phê duyệt không đúng thẩm quyền</i>													
<i>c</i>	<i>Không thực hiện đầy đủ</i>													

	<i>trình tự thẩm tra, thẩm định dự án</i>													
6	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (<i>theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành</i>)													
7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (<i>sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán</i>)	58			58					6		50	2	
a	<i>Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện</i>	118,004			118,004					4,820		110,984	2,200	
1	2	3	4	5	3	10	8	9	10	11		12	14	15
b	<i>Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định</i>	2,473			2,473					0,164		2,214	0,095	
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	59	0	15	44	11	0	3	8	1	2	45	0	0
a	<i>Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư</i>	2			2							2		
b	<i>Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng</i>	35		12	23	3		3		1	1	30		
c	<i>Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư,</i>	10			10	7			7			3		

	<i>ban quản lý dự án và các nhà thầu</i>													
d	<i>Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời</i>													
đ	<i>Số dự án chậm do các nguyên nhân khác</i>	12		3	9	1			1		1	10		
9	<i>Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ</i>	70		17	53	13		8	5		3	54		
a	<i>Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư</i>	20		4	16	3		3				17		
b	<i>Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư</i>	8		3	5	2		1	1		1	5		
c	<i>Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư</i>	16		9	7	4		4				12		
d	<i>Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác</i>	26		1	25	4			4		2	20		
10	<i>Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau</i>	3		1	2							3		
11	<i>Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ</i>	1.061		45	1.016	316		10	306	37	2	695	11	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
a	<i>Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ</i>	3.702		259	3.443	1.086		54	1.032	161	12	2.412	31	
-	<i>Chỉ định thầu</i>	3.171		157	3.014	974		41	933	147	2	2.021	27	
-	<i>Đấu thầu hạn chế</i>	2			2							2		

-	<i>Đấu thầu rộng rãi</i>	361		91	270	80		10	70	10	10	257	4	
-	<i>Hình thức khác</i>	168		11	157	32		3	29	4		132		
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ													
-	<i>Đấu thầu không đúng quy định</i>													
-	<i>Ký hợp đồng không đúng quy định</i>													
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng													
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	1.392		4	1.388	302		2	300	32	1	1.049	4	4
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	400		3	397	90		1	89	26	1	279	4	
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	1.220		12	1.208	32		3	29			1.188		
4	Tình hình khai thác vận hành	300		2	298	81			81	6		213		
a	Số dự án đã đưa vào vận hành	903		2	901	301			301	32	1	565		4
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)													
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ													

PHỤ BIỂU 05
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ
CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN KHÁC

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án nộp thủ tục xin chủ trương đầu tư	170	0	16	0	0	154	0
2	Số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư	134	0	16	0	0	118	0
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Quyết định chủ trương đầu tư) trong kỳ	134	0	16	0	0	118	0
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ	71	0	8	0	0	63	0
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ							
-	Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Quyết định chủ trương đầu tư)	134	0	16	0	0	118	0
-	Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Quyết định chủ trương đầu tư)	36	0	0	0	0	36	0
6	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư còn hiệu lực	279.620		37.337	0	0	242.283	0
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư							
-	Dự án đăng ký mới	29.846	0	7.153	0	0	22.693	0
-	Dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư	26	0	01	0	0	25	0

7	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện	135.096	0	17.243	0	0	117.853	0
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ	27.477	0	2.620	0	0	24.857	0
-	Vốn chủ sở hữu	7.477	0	620	0	0	4.857	0
-	Vốn vay	20.000	0	20.000	0	0	20.000	0
-	Vốn huy động hợp pháp khác	0	0	0	0	0	0	0
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ	18	0	02	0	0	16	0
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ	18	0	02	0	0	16	0
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	18	0	02	0	0	16	0
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ	25	0	02	0	0	23	0
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ	25	0	02	0	0	23	0
a	Số dự án có lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)	-	-	-	-	-	-	-